

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 năm 2020

Công tác phòng, chống dịch Viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona (*COVID-19*) đạt hiệu quả cao, từ 6h ngày 16/4/2020 đến 6h ngày 25/5/2020 trên cả nước không ghi nhận ca lây nhiễm trong cộng đồng. Trước tình hình đó, thực hiện chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Phú Thọ tiến hành gỡ bỏ các quy định về giãn cách xã hội, qua đó tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, văn hóa, xã hội trên địa bàn dần phục hồi sau quãng thời gian bị đình trệ vì dịch bệnh. Kết quả các ngành, lĩnh vực kinh tế- xã hội chủ yếu tháng 5 và 5 tháng năm 2020 cụ thể như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong tháng ở một số nơi trên địa bàn tỉnh xuất hiện mưa to, kèm theo lốc cục bộ gây ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh đã kết thúc gieo trồng các loại cây hàng năm vụ chiêm xuân 2020, tập trung chăm sóc cho cây trồng và chuẩn bị các phương án thu hoạch sản phẩm. Tổng diện tích lúa đã cấy của toàn tỉnh ước đạt 36.316,4 ha, giảm 0,5% (-196,7 ha) so với cùng kỳ năm trước; ngô gieo trồng ước đạt 5.596,2 ha, giảm 1% (-57,6 ha); rau xanh các loại gieo trồng ước đạt 4.877 ha, tăng 3,5% (+166,8 ha); đậu tương gieo trồng ước đạt 35,6 ha, tăng 5,6 ha; lạc gieo trồng ước đạt 2.691 ha, giảm 7,5% (-218,5 ha); khoai lang gieo trồng ước 360,2 ha; đỗ đậu các loại gieo trồng đạt 544,1 ha.

Nhìn chung, các loại cây rau, màu vụ xuân năm nay sinh trưởng và phát triển tốt; công tác kiểm soát, phòng trừ các đối tượng sâu bệnh được tiến hành kịp thời, hiệu quả. Ngành chức năng, các địa phương chủ động rà soát, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất ở mức cao nhất để bù đắp ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19 gây ra; chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ sản xuất vụ mùa đảm bảo khung lịch thời vụ; hướng dẫn người nông dân sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý gốc rạ, làm đất kỹ nhằm hạn chế tình trạng lúa bị bệnh sau gieo cấy.

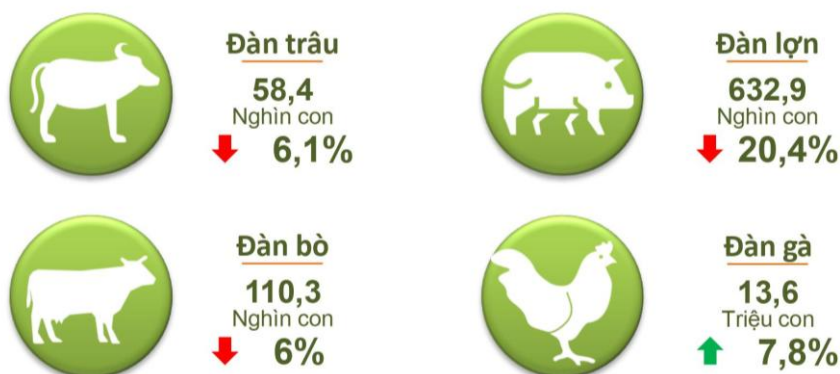
Hiện nay, các địa phương trong tỉnh bắt đầu bước vào thu hoạch một số loại cây trồng vụ xuân; nhìn chung, tiến độ thu hoạch vụ chiêm xuân năm nay chậm hơn cùng vụ năm trước do trà lúa sớm năm nay gieo cấy ít hơn cùng kỳ. Diện tích lúa sớm thu hoạch ước tính đến ngày 15/5/2020 đạt 3.331 ha, bằng 9,2% tổng diện tích lúa đã cấy.

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tháng 5/2020 cơ bản giữ ổn định; toàn tỉnh không xảy ra dịch bệnh ở đàn gia súc, gia cầm; hiện giá thịt lợn hơi vẫn tiếp tục có xu hướng tăng nhưng tốc độ tái đàn lợn ở các địa phương vẫn còn chậm do ảnh hưởng dịch Tả lợn Châu phi nên tâm lý người chăn nuôi chưa yên tâm mở rộng quy mô tổng đàn.

Tổng đàn trâu hiện có ước đạt 58,4 ngàn con, giảm 6,1% so với cùng kỳ; tổng đàn bò ước đạt 110,3 ngàn con, giảm 6%; tổng đàn lợn ước đạt 632,9 ngàn con, giảm 20,4%; tổng đàn gia cầm ước đạt 15,2 triệu con, trong đó đàn gà ước đạt 13,6 triệu con, tăng 7,8%.

Trong thời gian tới, ngành chức năng cần tiếp tục tập trung tuyên truyền và giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt là dịch Tả lợn Châu phi, dịch Cúm gia cầm, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm, xử lý hiệu quả, không để dịch bệnh bùng phát, lây lan; đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đàn vật nuôi và tái đàn lợn theo hướng ưu tiên phát triển trang trại, gia trại, chăn nuôi khép kín, an toàn sinh học; tăng cường kiểm soát, kiểm dịch hoạt động vận chuyển lợn giống phục vụ công tác tái đàn lưu thông vào địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Số lượng gia súc, gia cầm thời điểm đầu tháng 4 năm 2020



Hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong tháng tiếp tục được chỉ đạo thực hiện. Tính đến hết tháng 5, toàn tỉnh trồng được 7.446,9 ha rừng tập trung, thấp hơn 10,2% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 267,4 nghìn m³ (riêng sản lượng tháng 5 ước đạt 66,8 nghìn m³); sản lượng củi khai thác ước đạt 27,7 nghìn ste (riêng sản lượng tháng 5 ước đạt 8,3 nghìn ste);... Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 26 vụ phá rừng, diện tích rừng bị phá 7,98 ha (riêng tháng 5 xảy ra 3 vụ phá rừng, diện tích rừng bị phá 0,09 ha); Trong tháng 5 xảy ra 1 vụ cháy rừng, diện tích rừng bị cháy 0,07 ha.

Trong tháng, các cơ sở nuôi trồng thủy sản đang tập trung nạo vét và vệ sinh ao, hồ, đầm để chuẩn bị nuôi thả cá, nuôi gỏi vụ, thâm canh nhằm tăng năng suất, sản lượng thủy sản. Tổng diện tích mặt nước thực tế nuôi trồng thủy sản ước đạt 7,9 nghìn ha. Sản lượng thủy sản tính đến hết tháng 5 ước đạt 14,6 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ (riêng tháng 5 ước đạt 2,5 nghìn tấn);...

2. Sản xuất công nghiệp

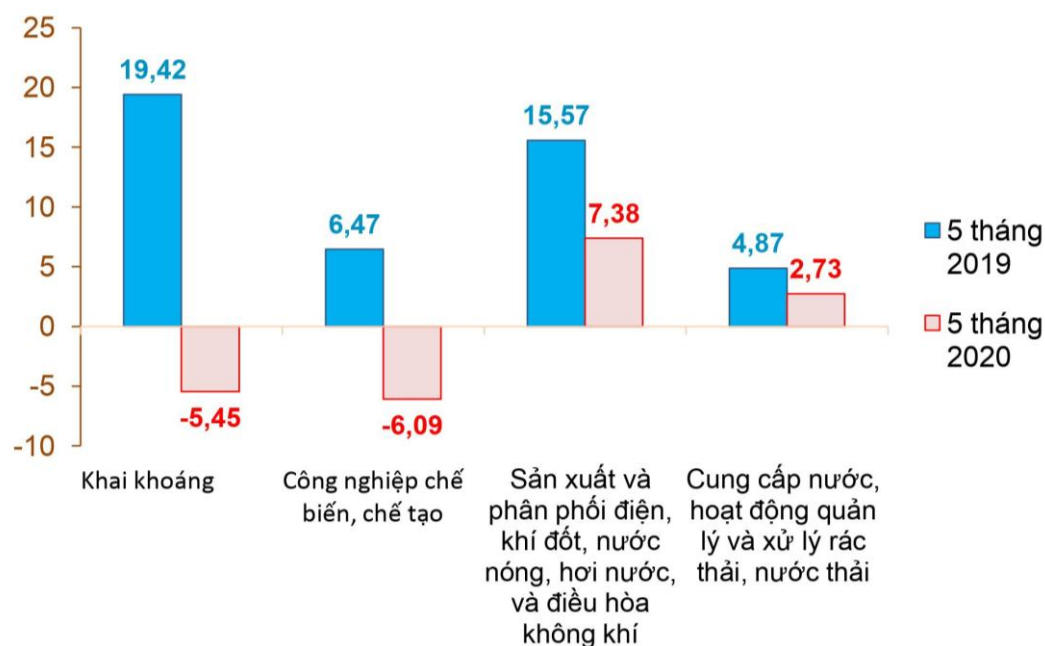
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5 năm 2020 ước tính tăng 16,38% so với tháng trước; trong đó ngành công nghiệp khai khoáng giảm 3,62%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,11%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 14,17%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,98%. So với tháng cùng kỳ, IIP tháng 5/2020 giảm 1,45%, giảm chính ở nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (*giảm 2,00%*).

So với tháng trước sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trở ở một số nhóm ngành: Sản xuất xe có động cơ (*tăng 2,8 lần*); Sản xuất đồ uống (*tăng 167,49%*); In, sao chép bản ghi các loại (*tăng 2,35 lần*); Sản xuất thiết bị điện (*tăng 66,67%*); Dệt (*tăng 55,32%*); Sản xuất trang phục (*tăng 37,28%*); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (*tăng 32,2%*); Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (*tăng 28,35%*); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (*tăng 26,05%*); Sản xuất chế biến thực phẩm (*tăng 23,99%*); Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (*tăng 14,01%*); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa,.. (*tăng 11,3%*); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (*tăng 9,00%*); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*tăng 3,26%*);... Duy chỉ có ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 18,09% so với tháng trước.

Tuy nhiên, so với cùng kỳ có 10/17 ngành công nghiệp cấp 2 sản xuất giảm, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất chung của toàn ngành. Một số ngành có mức giảm mạnh hơn chỉ số toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa,... (*giảm 73,64%*); Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (*giảm 69,74%*); Sản xuất đồ uống (*giảm 69,59%*); Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (*giảm 65,57%*); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (*giảm 60,68%*); Sản xuất thiết bị điện (*giảm 32,43%*); Sản xuất xe có động cơ (*giảm 20,17%*); Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (*giảm 10,76%*); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (*giảm 7,96%*);...

Sau 5 tháng, IIP giảm 5,62% so với cùng kỳ, trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 5,45%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,09%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,38%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,73%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng so với cùng kỳ (%)



3. Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trong tháng ước đạt 268,2 tỷ đồng, tăng 12,2% so với tháng trước và tăng 4,5% so với tháng cùng kỳ. Trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 171,8 tỷ đồng, chiếm 64% tổng vốn, tăng 7,4% so với tháng cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 69,8 tỷ đồng, tăng 2,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 26,6 tỷ đồng, giảm 7,2%;...

Một số công trình thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý có giá trị đầu tư đạt khá trong tháng gồm: Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7) huyện Tam Nông, Thanh Thủy ước đạt 12,6 tỷ đồng; Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị và các hạng mục phục vụ Đại hội đảng bộ huyện Tân Sơn nhiệm kỳ 2020-2025 ước đạt 11,6 tỷ đồng; Khu du lịch Văn Lang giai đoạn 2016-2020 ước đạt 8 tỷ đồng; Xây dựng hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng, trồng cây xanh thị trấn Hạ Hòa ước đạt 7,4 tỷ đồng; Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND huyện Yên Lập ước đạt 5,8 tỷ đồng; Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ nút giao với đường Hùng Vương đến Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng ước đạt 5 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2016-2020 ước đạt 4 tỷ đồng; Đường quốc lộ 70 B đi Thị trấn Hạ Hòa ước đạt 3,4 tỷ đồng;...

Tính từ đầu năm đến hết tháng 5, tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 1.285,9 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 837,9 tỷ đồng, tăng 12,5%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 327,6 tỷ đồng, tăng 2,8%;...

4. Thương mại, giá cả, vận tải

Trong tháng, tình hình dịch bệnh COVID-2019 về cơ bản đã được kiểm soát tốt, Chính phủ thực hiện gỡ bỏ giãn cách xã hội ở nhiều địa phương trong đó có tỉnh Phú Thọ, đã góp phần không nhỏ giúp sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh từng bước hoạt động ổn định trở lại.

a) Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2020 ước đạt 2.796 tỷ đồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 2.335,7 tỷ đồng, chiếm 83,5% tổng mức, tăng 1,6%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 220,7 tỷ đồng, chiếm 7,9% tổng mức, tăng 0,1%; doanh thu dịch vụ và du lịch ước đạt 239,6 tỷ đồng, chiếm 8,6% tổng mức, giảm 3% (*trong đó dịch vụ lễ hành chỉ đạt 24 triệu đồng*);...

Doanh thu bán lẻ trong tháng tăng so với cùng kỳ tập trung ở các nhóm hàng: Lương thực, thực phẩm tăng 12,6%; Phương tiện đi lại (*trừ ô tô*,...) tăng 9,7%; Nhiên liệu khác (*trừ xăng, dầu*) tăng 5,1%; Hàng hóa khác tăng 3,2%; Vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 0,2%;...

Tính chung 5 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 13.516 tỷ đồng, giảm 3,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 11.780,1 tỷ đồng, chiếm 87,2% tổng mức, tăng 0,8%;...

b) Xuất, nhập khẩu¹

Tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa tháng 5/2020 ước đạt 284,6 triệu USD, tăng 1% so với tháng trước; tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa ước đạt 279,8 triệu USD, tăng 1%;... Sau 5 tháng, xuất khẩu ước đạt **1.422,6 triệu USD, tăng 2,1 lần** so với cùng kỳ; nhập khẩu ước đạt 1.259,3 triệu USD, tăng trên 2,1 lần.

	Tháng 5/2020		5 tháng/2020	
	Giá trị (1.000USD)	So với cùng kỳ (%)	Giá trị (1.000USD)	So với cùng kỳ (%)
Xuất khẩu	284.647,9	101,0	1.422.578,5	210,9
Nhập khẩu	279.845,0	101,0	1.259.318,0	212,9

¹ Nguồn: Chi cục Hải Quan.

c) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2020 tăng 0,08% so với tháng trước, giảm 2,05% so với tháng 12 năm trước (*sau 5 tháng*), tăng 3,22% so với tháng cùng kỳ (*sau 12 tháng*).

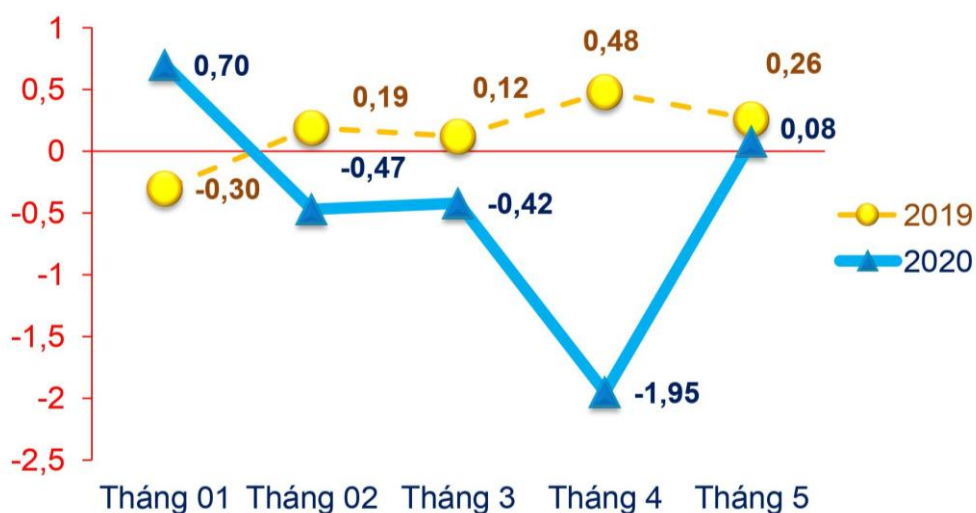
CPI tháng 5/2020 tăng so với tháng trước tập trung ở các nhóm hàng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,81% (*do các mặt hàng trong nhóm thực phẩm tăng mạnh: Thịt gia súc tươi sống chỉ số giá tăng 3,93%; Thịt gia cầm tươi sống tăng 0,78%; Nhóm thịt chế biến tăng 1,28%;...*); Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,46% (*tập trung ở nước sinh hoạt và dịch vụ nước tăng 1,46%; ga và chất đốt khác tăng 9,4%*); May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,15%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,09%; Hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,07%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,06%; Giáo dục tăng 0,02%;... Bên cạnh đó, một số nhóm hàng giúp kiềm chế CPI tháng này bao gồm: Giao thông giảm 2,69% (*do nhóm nhiên liệu, chỉ số giá giảm 6,83%, trong đó xăng, dầu diesel giảm 7,02%*); Văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,42%; Thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,24%; Bru chính viễn thông giảm 0,06%;...

Chỉ số giá Vàng tháng 5/2020 so với tháng trước tăng 1,56%, giá bán bình quân trong tháng 4.875 ngàn đồng/chỉ. Chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,89%, giá bán bình quân trong tháng 23.335 VNĐ/USD.

CPI bình quân 5 tháng năm 2020 tăng 5,27% so với cùng kỳ, nguyên nhân do tác động trực tiếp từ các nhóm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 15,41%; Hàng hoá và dịch vụ khác tăng 3,78%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,56%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,82%; Giáo dục tăng 0,85%; Văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,5%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,46%;...

Chỉ số giá Vàng tháng bình quân 5 tháng tăng 31,16% so với cùng kỳ. Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân 5 tháng giảm 1,00% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng các tháng năm 2020 so với tháng trước (%)



d) Vận tải hàng hoá và hành khách

Tổng doanh thu vận tải tháng 5/2020 ước đạt 375,9 tỷ đồng, giảm 4,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 299,5 tỷ đồng, giảm 5,2%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 42,7 tỷ đồng, giảm 4%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 33,7 tỷ đồng, tăng 1,9%;

Sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 2.864,1 nghìn tấn, giảm 4% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 330.011,3 nghìn tấn.km, tăng 2,2%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 1.064 nghìn hành khách, giảm 7,5% so với cùng kỳ; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 48.901,7 nghìn hành khách.km, giảm 10%.

Tính chung 5 tháng, sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 13.650 nghìn tấn, giảm 3,2%; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.501.976,6 nghìn tấn.km, giảm 1,8%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 4.317,6 nghìn hành khách, giảm 21,8%; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 193.458,1 nghìn hành khách.km, giảm 28%.

5. Một số vấn đề xã hội

a) Hoạt động văn hóa, thể thao²

Trong tháng, ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc và phục vụ các nhiệm vụ chính trị như: Kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4); 134 năm ngày Quốc tế lao động (1/5); 66 năm ngày giải phóng Điện Biên (7/5); 130 năm ngày sinh nhật Bác (19/5); Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 và Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020-2025;... Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền các nội dung về phòng, chống dịch bệnh COVID -19 tới các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Thể thao thành tích cao: Với việc dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, các VĐV đã tập trung trở lại và tham gia thi đấu 09 giải thể thao toàn quốc. Đặc biệt, ngày 16/5 UBND tỉnh và Công ty cổ phần Tập đoàn T&T tổ chức buổi lễ bàn giao Đội bóng đá U21 Hà Nội cho CLB bóng đá Phú Thọ để tham dự giải bóng đá hạng Nhì Quốc gia năm 2020.

² Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Công tác y tế³

Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đạt hiệu quả cao, trong hơn 30 ngày qua trên cả nước không ghi nhận ca lây nhiễm trong cộng đồng. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa ghi nhận trường hợp nào dương tính với COVID-19. Toàn tỉnh chỉ có 02 trường hợp đang được cách ly theo dõi tại nhà, thuộc đối tượng có liên quan đến đối tượng tiếp xúc gần với bệnh nhân nhiễm COVID-19. Trước tình hình trên, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khôi phục, cho phép hoạt động và bỏ quy định giãn cách đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, thương mại, dịch vụ, hoạt động văn hóa - xã hội, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

Theo báo cáo từ trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, 4 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh không ghi nhận trường hợp mắc mới các bệnh truyền nhiễm như: Viêm phổi nặng nghi cúm A, Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Viêm não vi rút, Bệnh ho gà, Bệnh sốt rét.

Theo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP), tính đến hết tháng 4/2020, các đoàn kiểm tra liên ngành đã kiểm tra 3.068 cơ sở, trong đó có 81,3% cơ sở đạt tiêu chuẩn ATVSTP (*Riêng tháng 4/2020, đã kiểm tra 468 cơ sở, trong đó 75,2% cơ sở đạt tiêu chuẩn ATVSTP*).

c) Tình hình tai nạn giao thông

Theo thống kê của Ban an toàn giao thông tỉnh, từ ngày 15 tháng 4 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020 trên địa bàn tỉnh xảy ra 5 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 5 người chết. Tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020, trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ tai nạn giao thông và 9 vụ va chạm giao thông làm 18 người chết và 12 người bị thương.

Tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 5 năm 2020, lực lượng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh đã kiểm tra xử lý 29.225 trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ, xử phạt trên 21,2 tỷ đồng. Riêng từ ngày 15/4-14/5/2020 đã lập biên bản xử lý 4.171 trường hợp, xử phạt trên 2,8 tỷ đồng.

d) Tình hình thiên tai

Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 đợt thiên tai do mưa đá, giông lốc gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản và sản xuất nông nghiệp của người dân. Thiên tai đã làm 1 người chết, 19 bị thương, 7.629 nhà ở bị hư hại, thiệt hại 2.509 ha lúa và 802 ha hoa màu, 3.998 con gia cầm bị chết, cuốn trôi,... Tổng giá trị thiệt hại ước tính 98,7 tỷ đồng.

³ Nguồn: Sở Y tế.

Trước tình hình trên, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể đã vận động hỗ trợ số tiền 187 triệu đồng để giúp các hộ bị thiệt hại bước đầu ổn định cuộc sống.

e) Tình hình cháy nổ, vi phạm môi trường

Số vụ cháy, nổ: Từ ngày 17/4/2020 đến ngày 16/5/2020, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 1 vụ cháy, thiệt hại ước tính 15 triệu đồng (*huyện Lâm Thao*). Tính từ ngày 17/12/2019 đến hết ngày 16/5/2020, toàn tỉnh xảy ra 9 vụ cháy, thiệt hại ước tính 1.646,8 triệu đồng,...

Vi phạm môi trường: Từ ngày 17/4/2020 đến ngày 16/5/2020, lực lượng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh đã phát hiện và xử lý 22 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 196,1 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2019 đến hết ngày 16/5/2020, toàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 157 vụ vi phạm môi trường với tổng số tiền xử phạt 3.429,2 triệu đồng.

Trong tháng, các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đã phát huy hiệu quả cao, đã 39 ngày Việt Nam không có ca lây nhiễm COVID-19 trong cộng đồng; cùng với đó chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, các cơ sở cá thể, người lao động đang chịu ảnh hưởng bởi dịch của Chính phủ đã từng bước tạo sự ổn định cho các hoạt động kinh tế, xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng./.

Nơi nhận:

- TCTK (Vụ TK Tổng hợp);
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Website Cục Thống kê;
- Lưu: VT, P.TKTH (2).

Q. CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hiền Minh

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 5 năm 2020

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích thu hoạch vụ Chiêm xuân 2020 (Ha)			
Lúa	3.290,0	3.331,0	101,2
Ngô	16,0	20,0	125,0
Đậu tương	1,3	0,7	53,8
Lạc	10,0	12,0	120,0
Rau xanh các loại	2.416,6	2.515,6	104,1

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 năm 2020

Đơn vị tính: %

	Chính thức 4 tháng năm 2020 so với cùng kỳ	Ước tính tháng 5/2020 so với tháng 4/2020	Ước tính tháng 5/2020 so với cùng kỳ	5 tháng năm 2020 so với cùng kỳ
TOÀN NGÀNH	93,36	116,38	98,55	94,38
B. Khai khoáng	93,13	96,38	101,63	94,55
07. Khai thác quặng kim loại	122,64	150,00	50,85	96,97
08. Khai khoáng khác	92,82	95,88	103,15	94,51
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	92,92	117,11	98,00	93,91
10. Sản xuất chế biến thực phẩm	97,95	123,99	104,39	99,58
11. Sản xuất đồ uống	38,52	267,49	30,41	36,59
13. Dệt	85,44	155,32	100,82	88,75
14. Sản xuất trang phục	99,62	137,28	98,13	99,29
15. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	72,42	81,91	39,32	64,41
16. CB gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	26,93	111,30	26,36	26,81
17. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	84,40	126,05	92,04	85,91
18. In, sao chép bản ghi các loại	48,61	235,29	103,09	59,33
20. Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	83,83	114,01	89,24	84,87
22. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	90,58	109,00	103,08	93,13
23. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	81,75	132,20	101,51	86,00
25. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	119,88	103,26	129,37	121,56
26. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính,...	107,45	100,91	110,15	107,88
27. Sản xuất thiết bị điện	42,37	166,67	67,57	48,39
29. Sản xuất xe có động cơ	49,30	280,54	79,83	55,04
31. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	18,81	102,16	30,26	19,67
33. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	76,65	128,35	34,43	65,30
D. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hòa KK	105,63	114,17	113,71	107,38
35. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hoà KK	105,63	114,17	113,71	107,38
E. CC nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải	102,28	106,98	104,44	102,73
36. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,72	102,59	99,71	101,30
38. HĐ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	103,16	114,16	112,28	104,99

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5 năm 2020

	Đơn vị tính	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 4 năm 2019	Ước tính tháng 5 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
Giấy và bìa các loại	Tấn	75.629	17.264	81.091	92,0	85,9
Bia hơi, bia đóng lon	1000 Lít	25.375	4.230	14.999	41,7	42,2
Chè	Tấn	8.597	4.217	11.724	99,3	91,3
Phân Supe Photphat (P2O5)	Tấn	195.800	38.000	206.105	84,4	85,6
Phân NPK	Tấn	184.796	41.500	194.002	92,2	84,4
Cao lanh	Tấn	148.602	18.168	123.895	73,0	71,4
Xi măng	Tấn	487.541	141.990	601.340	104,3	96,4
Gạch lát	1000 M ²	12.958	3.506	13.192	99,9	80,1
Mỳ chính	Tấn	11.416	3.100	15.024	110,7	105,7
Dung lượng ắc quy	1000 Kwh	14	3	9	67,6	48,4
Vải thành phẩm	1000 M ²	19.657	5.550	21.459	100,5	85,2
Sợi toàn bộ	Tấn	3.841	1.020	4.663	101,6	96,3
Quần áo may sẵn	1000 Cái	30.792	8.559	37.732	94,0	94,6
Giày thể thao	1000 Đôi	2.335	293	1.984	39,3	64,4
Nước máy	1000 M ³	9.115	2.421	11.693	99,7	101,3
Sản phẩm bằng plastic	Tấn	37.371	9.500	41.403	102,6	88,8
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	1000 chiếc	41.037	4.355	30.697	43,6	60,2

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5 năm 2020

	Thực hiện tháng 4 năm 2020	Ước tính tháng 5 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến hết đến tháng 5 năm 2020	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	239.109	268.201	1.285.882	104,5	109,0
Vốn NS Nhà nước cấp tỉnh	153.169	171.782	837.872	107,4	112,5
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	64.236	72.569	370.263	99,6	105,6
Vốn TW hỗ trợ ĐT theo MT	60.897	69.326	336.300	120,3	119,0
Vốn nước ngoài (ODA)	24.269	25.789	108.019	111,6	120,7
Vốn khác	3.767	4.098	23.290	64,2	104,6
Vốn NS Nhà nước cấp huyện	61.471	69.774	327.601	102,7	102,8
Vốn cân đối ngân sách huyện	22.359	25.669	115.617	106,1	108,1
Vốn tỉnh hỗ trợ ĐT theo MT	35.896	40.236	196.175	104,6	100,6
Vốn khác	3.216	3.869	15.809	73,4	95,1
Vốn NS Nhà nước cấp xã	24.469	26.645	120.409	92,8	103,3
Vốn cân đối ngân sách xã	13.266	14.668	66.668	102,9	106,4
Vốn huyện hỗ trợ ĐT theo MT	8.987	9.588	41.600	77,7	94,7
Vốn khác	2.216	2.389	12.141	112,7	122,4

5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 năm 2020

	Thực hiện tháng 5 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	2.766.521	2.796.012	13.515.959	101,1	96,5
Phân theo ngành kinh doanh					
Bán lẻ	2.299.010	2.335.726	11.780.085	101,6	100,8
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	220.394	220.688	754.666	100,1	69,2
Dịch vụ và du lịch	247.117	239.598	981.208	97,0	79,3

6. Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 5 năm 2020

	Thực hiện tháng 5 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	2.299.010	2.335.726	11.780.085	101,6	100,8
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	710.753	800.468	3.893.161	112,6	105,8
Hàng may mặc	192.072	184.787	933.860	96,2	98,0
Đồ dùng, dụng cụ,... gia đình	186.872	177.996	894.471	95,3	96,5
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	19.917	19.963	96.141	100,2	97,8
Gỗ và vật liệu xây dựng	230.233	229.553	1.107.742	99,7	98,2
Ô tô các loại	29.364	29.360	145.135	100,0	100,2
Phương tiện đi lại (trừ ô tô,...)	438.862	481.439	2.367.775	109,7	103,7
Xăng, dầu các loại	323.004	242.320	1.508.939	75,0	92,1
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	44.515	46.785	229.963	105,1	102,7
Đá quý, kim loại quý,...	24.325	23.100	113.739	95,0	94,8
Hàng hóa khác	51.261	52.896	252.562	103,2	99,4
SC xe có động cơ, mô tô,...	47.831	47.060	236.597	98,4	102,0

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng tháng 5 năm 2020

	Thực hiện tháng 5 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	467.511	460.286	1.735.874	98,5	74,6
Phân theo ngành kinh tế					
Dịch vụ lưu trú	220.394	220.688	754.666	100,1	69,2
Dịch vụ lưu trú	18.822	13.278	58.863	70,5	63,2
Dịch vụ ăn uống	201.572	207.410	695.804	102,9	69,8
Dịch vụ lữ hành	2.267	24	1.809	1,0	12,8
Dịch vụ tiêu dùng	244.850	239.574	979.399	97,8	80,1

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 5 năm 2020

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 5/2020 so với				Bình quân 5 tháng năm 2020 so với cùng kỳ
	Kỳ gốc 2014	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	115,22	103,22	97,95	100,08	105,27
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	119,77	116,61	102,12	100,81	115,41
<i>Trong đó:</i> Lương thực	110,61	103,70	103,79	99,26	102,61
Thực phẩm	126,63	124,87	103,10	101,26	123,02
Ăn uống ngoài gia đình	101,16	97,13	95,63	100,51	98,22
Đồ uống và thuốc lá	99,55	100,74	100,30	100,09	100,46
May mặc, mũ nón, giày dép	105,76	99,97	99,75	100,15	99,94
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	101,26	91,11	91,41	100,46	97,58
Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,62	101,51	100,47	99,76	101,82
Thuốc và dịch vụ y tế	298,47	103,29	100,33	100,06	103,56
Giao thông	76,52	80,01	81,89	97,31	93,42
Bưu chính viễn thông	99,86	99,88	99,92	99,94	100,01
Giáo dục	142,96	100,30	100,00	100,02	100,85
Văn hoá, giải trí và du lịch	91,81	100,11	99,79	99,59	100,50
Hàng hoá và dịch vụ khác	109,82	104,48	103,24	100,07	103,78
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	147,52	138,25	117,41	101,56	131,16
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	110,15	99,11	100,40	99,11	99,00

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5 năm 2020

	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 4 năm 2020 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 (Triệu đồng)	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	1.383.157	375.861	1.759.018	95,5	93,8
Vận tải hành khách	120.813	42.715	163.528	96,0	74,5
Đường bộ	118.433	41.822	160.255	95,8	74,4
Đường thủy	2.380	893	3.272	108,1	83,9
Vận tải hàng hóa	1.164.520	299.491	1.464.012	94,8	96,7
Đường bộ	746.921	178.422	925.342	90,3	94,9
Đường thủy	417.600	121.070	538.670	102,3	100,1
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	97.823	33.655	131.479	101,9	92,5

10. Sản lượng vận tải tháng 5 năm 2020

	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 4 năm 2020	Ước tính tháng 5 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020	Tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
I. HÀNH KHÁCH					
Vận chuyển hành khách	3.253,6	1.064,0	4.317,6	92,4	78,2
(Nghìn hành khách)					
Đường bộ	2.950,7	946,8	3.897,4	90,9	77,6
Đường thủy	302,9	117,3	420,2	107,6	84,2
Luân chuyển hành khách	144.556,4	48.901,7	193.458,1	90,0	72,0
(Nghìn hành khách.Km)					
Đường bộ	144.186,6	48.749,4	192.936,0	90,0	72,0
Đường thủy	369,8	152,3	522,1	112,8	83,2
II. HÀNG HÓA					
Vận chuyển hàng hóa	10.785,9	2.864,1	13.650,0	96,0	96,8
(Nghìn tấn)					
Đường bộ	5.077,5	1.265,8	6.343,3	83,4	93,9
Đường thủy	5.708,4	1.598,3	7.306,7	109,1	99,4
Luân chuyển hàng hóa	1.171.965,2	330.011,3	1.501.976,6	102,2	98,2
(Nghìn tấn.km)					
Đường bộ	227.588,2	59.882,8	287.471,0	99,3	94,4
Đường thủy	944.377,0	270.128,5	1.214.505,5	102,9	99,2

11. Trật tự, an toàn xã hội kỳ tháng 5 năm 2020

	Sơ bộ kỳ tháng 5/2020	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 đến hết kỳ tháng 5/2020	Kỳ tháng 5/2020 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 hết kỳ tháng 5 năm 2020 so với cùng kỳ (%)
Tai nạn giao thông (Kỳ báo cáo tính từ ngày 15 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 14 tháng báo cáo)				
Số vụ tai nạn, va chạm giao thông (Vụ)				
Đường bộ	5	25	125,0	73,5
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Số người chết (Người)				
Đường bộ	5	18	250,0	90,0
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)				
Đường bộ	-	12	-	52,2
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Cháy, nổ (Kỳ báo cáo tính từ ngày 17 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 16 tháng báo cáo)				
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	9	100,0	300,0
Số người chết (Người)	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại (Triệu đồng)	15	1.647	30,0	531,2